TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2021/DS-ST
Ngày 20-4-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng giao khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn, bà Mó Măng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 614/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1976; địa chỉ: xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần cà phê TL; địa chỉ: xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957; địa chỉ: đường D, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đình N trình bày:*

Vào ngày 25/8/2011, ông N có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH một thành viên cà phê TL (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL).

Ngày 27/8/2011 giữa ông N và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 420/2011/HĐ-GK với nhau, theo hợp đồng thì: Ông N đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1999 của Công ty có diện tích 13.855m^2, diện tích bờ lô 2012m^2. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 17/2, thửa đất số 46, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: thuộc xã HĐ,

huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 52.201.555 đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 34.212.585 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 15 năm. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 ông N đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì ông N phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận là 12.422.107,6 đồng/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000 đồng/kg, thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000 đồng/kg, thành tiền là 3.472.000 đồng/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng (bình quân một năm là 255.000đồng/ha/năm).

Theo đơn khởi kiện thì ông N yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả tổng số tiền là 116.358.753,2đồng. Tuy nhiên, ông N đã nhận được số tiền kênh mương mà Công ty chi trả từ năm 2011 đến 2013 và năm 2015, năm 2016 số tiền 1.766.515 đồng (Một triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm mười lăm đồng). Mặt khác, đối với tiền kênh mương ông N yêu cầu trên diện tích thực tế ông N nhận khoán là 13.855m^2 nên quá trình giải quyết ông N xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này, yêu cầu Công ty phải trả ông N số tiền thủy lợi phí do tưới kênh mương trong 12 năm (từ năm 1999 - 2010) trên diện tích 13.855m^2 đất giao khoán là 255.000 đồng/ha x 13.855m^2 x 12 năm = 4.239.636 đồng. Lý do, vào năm 1999 giữa ông N với Công ty có ký kết hợp đồng kinh tế giao khoán đầu tư vườn cà phê và Công ty có thu tiền thủy lợi phí về việc tưới kênh mương nhưng hiện nay ông N không cung cấp được hợp đồng năm 1999 do năm 2011 khi ký kết lại hợp đồng giao khoán Công ty đã thu lại hợp đồng năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông N xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; một phần tiền thủy lợi phí về việc tưới kênh mương năm 1998 và từ năm 2011-2018 là 860.364 đồng. Tổng cộng là 112.119.117,2 đồng.

Đối với tiền thủy lợi phí về việc tưới kênh mương cho diện tích 13.855m^2 đất giao khoán trong 12 năm (từ năm 1999 - 2010) là 4.239.636 đồng, ông N đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đình B trình bày:*

Công ty Cổ phần cà phê TL (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê TL) thừa giữa Công ty với Nguyễn Đình N có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 420/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 ông N đã thực hiện nghĩa vụ

chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020 ông N đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng nhưng Công ty chưa tiến hành khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện thì Công ty Cổ phần cà phê TL không có ý kiến gì. Còn đối với yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả tiền thủy lợi phí về việc tưới kênh mương cho diện tích 13.855m^2 đất giao khoán trong 12 năm (từ năm 1999 - 2010) là 4.239.636 đồng, thì phía Công ty hoàn toàn không đồng ý. Bởi lẽ, Công ty thừa nhận năm 1999 giữa Công ty với Nguyễn Đình N có ký hợp đồng kinh tế giao khoán đầu tư vườn cà phê, hợp đồng này đã chấm dứt trước ngày 27/8/2011. Từ năm 1998 đến năm 2010 thì hàng năm Công ty đều hạch toán công khai chi phí cuối năm bên nào thừa tiền đầu tư thì nhận về và ngược lại (có bảng thanh toán đầu tư cà phê kinh doanh niên vụ 2010-2011 ngày 20/12/2010 để chứng minh), do đó Công ty không thu sai của ông N tiền tưới kênh mương từ năm 1999 đến năm 2010. Mặc khác, hợp đồng kinh tế giao khoán đầu tư vườn cà phê đã chấm dứt trước ngày 27/8/2011 nên đề nghị HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông N.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình N tranh luận: Giữ nguyên yêu cầu về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương của trong 12 năm (từ năm 1999 - 2010) là 4.239.636 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đình B tranh luận: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N đề nghị áp HĐXX dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của ông N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 192; điểm c, e, g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 424, 427, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003. Đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết

đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình N về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương trong 12 năm (từ năm 1999 - 2010) là 4.239.636 đồng do hết thời hiệu khởi kiện. Ông Nguyễn Đình N không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình N về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) với số tiền 86.954.753,2 đồng; cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) với số tiền 24.304.000 đồng; một phần tiền thủy lợi phí về việc tưới kênh mương năm 1998 và từ năm 2011-2018 là 860.364 đồng. Tổng cộng là 112.119.117,2 đồng. Ông Nguyễn Đình N được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình N thì Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL có địa chỉ tại xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy: Giữa ông Nguyễn Đình N với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê TL (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 420/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Qua xem xét Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán thì ông N đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết niên vụ 2017-2018 và các bên không có tranh chấp gì, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có ký Hợp đồng song vụ này. Do đó xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình N về việc Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương trong 12 năm (từ năm 1999 - 2010) là 4.239.636 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đều thừa nhận trước khi ký hợp đồng khoán gọn vào ngày 27/8/2011 thì hai bên có ký kết và cùng thực hiện theo hợp đồng kinh tế giao khoán đầu tư vườn cà phê từ năm 1999. Tuy nhiên, hợp đồng này hai bên đã hoàn thành và chấm dứt trước ngày 27/8/2011. Kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng ông N không có bất kỳ ý kiến hay khiếu nại gì về tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương (từ năm 1999 - 2010) và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, người đại diện theo ủy quyền của Công ty không thừa nhận thu sai tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương của ông N giai đoạn từ năm 1999-2010 và đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 424, 427 Bộ luật dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 192; điểm e, g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn ông Nguyễn Đình N. Ông Nguyễn Đình N không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Văn Lập rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; một phần tiền thủy lợi phí về việc tưới kênh mương năm 1998 và từ năm 2011-2018 là 860.364 đồng. Tổng cộng là 112.119.117,2 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông N là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông N. Ông Nguyễn Đình N được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đình N về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả cho ông N số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương trong 12 năm (từ năm 1999 - 2010) là 4.239.636 đồng hết thời hiệu khởi kiện, ông N không có quyền khởi kiện đối với yêu cầu này nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 192; điểm c, e, g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 424, 427, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của

Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình N về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương trong 12 năm (từ năm 1999 - 2010) là 4.239.636 đồng (Bốn triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng). Ông Nguyễn Đình N không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình N về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại cho ông chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2 đồng; chi phí cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000 đồng; một phần tiền thủy lợi phí về việc tưới kênh mương năm 1998 và từ năm 2011-2018 là 860.364 đồng. Tổng cộng là 112.119.117,2 đồng (Một trăm mười hai triệu, một trăm mười chín nghìn, một trăm mười bảy phẩy hai đồng). Ông Nguyễn Đình N được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Trả lại cho ông Nguyễn Đình N 2.908.000 đồng (Hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014450 ngày 03/8/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam